TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 963/2024/DS-ST
Ngày: 30-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hai.

2. Bà Lê Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1164/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: 266 – B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 5 Đường B, Khu A, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án, ông Thân Lê N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Văn C có ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 05/6/2009 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.288.241 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 118.685.000 đồng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/10/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/8/2024, ông C còn nợ tổng cộng 312.334.341 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn C thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 312.334.341 đồng, trong đó nợ gốc là 51.576.506 đồng, lãi quá hạn là 260.757.835 đồng. Ngoài ra, ông C còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông Thân Lê N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Trần Văn C có nơi cư trú cuối cùng tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn Ngân hàng nhưng bị đơn ông C vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông C đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là ông Thân Lê N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N và bị đơn ông Trần Văn C.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 51.576.506 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, số thẻ chính: 472075-3936 ngày 05/6/2009, được lập và có chữ ký xác nhận giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với ông Trần Văn C đủ cơ sở để xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã phát hành cho ông C thẻ Visa, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/năm.

Nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng N1 về ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo hóa đơn thanh toán dành cho chủ thẻ. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án để giải

quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 51.576.506 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn 260.757.835 đồng tạm tính đến ngày 30/8/2024 và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/10/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chuyển toàn bộ số vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trần Văn C, việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 51 và điểm c khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi quá hạn của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 49, Điều 51, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Trần Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 312.334.341 (ba trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi mốt) đồng. Trong đó nợ gốc là 51.576.506 đồng và lãi quá hạn là 260.757.835 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 05/6/2009 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trần Văn C.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.616.717 (mười lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười bảy) đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. H lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 3.822.000 (ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0008849 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 05/6/2009 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Trần Văn C.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang